

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày: 07-02-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Nghiêm** và bà **Nguyễn Thị Lý**.

- **Th- ký phiên toà:** Bà **Nguyễn Thanh Nhàn** - Th- ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà:** Ông **Nguyễn Xuân Thọ** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2018/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 25/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tuấn A - Sinh ngày 26/02/1977 tại thôn An, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: **Lao động tự do**; Trình độ văn hoá: **12/12**; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức U và bà: Nguyễn Thị N; Vợ: Vũ Thị M; Có 1 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp "**Cấm đi khỏi nơi cư trú**", có mặt.

2. Bùi Đăng S - Sinh ngày 10/11/1964 tại thôn A, xã Chi L, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: **Làm ruộng**; Trình độ văn hoá: **10/10**; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn T và bà: Nguyễn Thị L; Vợ: Nguyễn Thị M; Có 2 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2017 đến ngày 21/12/2017 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp "**Cấm đi khỏi nơi cư trú**", có mặt.

3. Nguyễn Đăng C - Sinh ngày 01/02/1982 tại thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: **Làm ruộng**; Trình độ văn hoá: **9/12**; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đăng T và bà: Bùi Thị S; Vợ: Hoàng Thị T; Có 2 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2017 đến ngày 21/12/2017 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp "**Cấm đi khỏi nơi cư trú**", có mặt.

4. Nguyễn Hữu D - Sinh ngày 15/8/1965 tại thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Cán bộ Quỹ tín dụng xã Chi Lăng Nam; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu V và bà: Lê Thị N; Vợ: Nguyễn Thị P; Có 2 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2017 đến ngày 21/12/2017 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", có mặt.

5. Nguyễn Đức T - Sinh ngày 03/9/1984 tại thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức S và bà: Nguyễn Thị N; Vợ: Bùi Thị T; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2017 đến ngày 21/12/2017 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", có mặt.

6. Nguyễn Hữu C - Sinh ngày 16/02/1958 tại thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu B và bà: Trần Thị H; Vợ: Lê Thị H; Có 3 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 09/02/2015 bị TAND tỉnh Hải Dương xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội Đánh bạc (Bản án số 08/2015/HSST ngày 09/02/2015- đã được xoá án tích); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2017 đến ngày 21/12/2017 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", có mặt.

7. Nguyễn Đăng Đ - Sinh ngày 02/9/1960 tại thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đăng Đ và bà: Nguyễn Thị N; Vợ: Phan Thị S; Có 4 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2017 đến ngày 21/12/2017 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", có mặt.

8. Bùi Tiến Đ - Sinh ngày 22/7/1971 tại thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Tiến L và bà: Vũ Thị M; Vợ: Nguyễn Thị L; Có 3 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 10/01/2013 Công an huyện Thanh Miện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự (đã được xoá tiền sự); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2017 đến ngày 21/12/2017 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", có mặt.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đ- ọc tóm tắt nh- sau:

Khoảng 20 giờ ngày 18/12/2017, Bùi Tiến Đ, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Đức T và Nguyễn Tuấn A đến khu chuyển đổi của gia đình Bùi Đăng S - sinh năm 1964 ở thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương chơi. Khi đang ngồi uống nước thì Nguyễn Tuấn A rủ S, C, T, Đ đánh bạc trái phép, được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng”, tất cả đều đồng ý. Lúc này, Sơn lấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân để ở kệ ti vi gần đó rồi cả 5 người Tuấn A, C, T, Đ Sơn ngồi xuống chiếu đã trải sẵn trên nền nhà và thống nhất đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh “Liêng”, tỷ lệ cược thấp nhất là 20.000 đồng, mức tổ cao nhất không quá 100.000 đồng. Một lúc sau thì Nguyễn Hữu C và Nguyễn Hữu D đến cùng tham gia đánh bạc, sau đó Nguyễn Đăng Đ cũng đến tham gia đánh bạc. Đến 21 giờ 50 phút cùng ngày, thì bị lực lượng Công an huyện Thanh Miện phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói và số tiền 3.320.000đ trên chiếu bạc; thu trên người Nguyễn Đăng C số tiền 8.200.000 đồng, Nguyễn Đăng Đ số tiền 4.250.000 đồng, Bùi Tiến Đ số tiền 500.000 đồng, Nguyễn Đức T số tiền 4.120.000 đồng, Nguyễn Hữu C 1.100.000 đồng, Nguyễn Hữu D số tiền 2.550.000 đồng. Quá trình bắt quả tang Nguyễn Tuấn A bỏ trốn, đến ngày 30/12/2017 ra đầu thú.

Tại cáo trạng số 04/VKS-HS ngày 16/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Bùi Đăng S, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đăng Đ, Bùi Tiến Đ về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 248 BLHS.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội nh- đã nêu ở trên và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

***Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Bùi Đăng S, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đăng Đ, Bùi Tiến Đ phạm tội “*Đánh bạc*”.

□p dụng: khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với tất cả các bị cáo; khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 đối với Tuấn Anh, C- ồng, Sơn, Chánh; điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với Tuấn A, S, C, D, T, Đ, Đ; khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với Tuấn A, S, C, D, Đ. Khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999 đối với Tuấn A, C; Điều 31 BLHS năm 1999 đối với S; Điều 30 BLHS năm 1999 đối với D, T, Đ, Đ; Điều 33 BLHS năm 1999 đối với C;

***Về hình phạt chính, xử phạt:**

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 09 tháng tù đến 11 tháng tù cho h- ởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 22 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Đăng C từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho h- ởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Bùi Đăng S từ 08 tháng tù đến 10 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức đ- ọc giao giám sát, giáo dục ng- ời bị kết án nhận đ- ọc quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập/tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà n- ớc.

- Phạt tiền các Bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đăng Đ, Bùi Tiến Đ mỗi bị cáo từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Hữu C từ 04 tháng tù đến 05 tháng tù, đ- ợc trừ 03 ngày tạm giữ = 03 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Giao các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Đăng C, Bùi Đăng S cho UBND xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải D- ơng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và thời gian chấp hành án.

Tr- ờng hợp các bị cáo thay đổi nơi c- trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

***Hình phạt bổ sung:** Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Tuấn A; Bùi Đăng S; Nguyễn Đăng C và Nguyễn Hữu C mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà n- ớc.

***Về xử lý vật chứng:** áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu cho tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cối; tịch thu sung quỹ Nhà n- ớc số tiền 17.440.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại Nguyễn Đăng Đ 3.600.000 đồng và Nguyễn Đức T 3.000.000 đồng nhưng bảo thủ để đảm bảo thi hành án.

***Về án phí:** áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1} Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt giữ ng- ời có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 18/12/2017 tại khu chuyển đổi của gia đình Bùi Đăng S - sinh năm 1964 ở thôn A, xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Tuấn A, Bùi Đăng S, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đăng Đ, Bùi Tiến Đ có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “*Liêng*” bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 17.440.000 đồng.

{2} Hành vi của các bị cáo xâm phạm khách thể là trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đ- ợc hành vi đánh bạc trái phép, sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật, bị Nhà n- ớc cấm nh- ng vì mục đích vụ lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 nh- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện truy tố là có căn cứ, đúng ng- ời, đúng tội.

{3} Trong vụ án có 08 bị cáo tham gia, các bị cáo không hứa hẹn từ tr-ớc, tình cờ gặp nhau và nảy sinh ý định đánh bạc, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá vị trí, vai trò của từng bị cáo theo quy định tại Điều 20, 53 BLHS năm 1999 để làm căn cứ quyết định hình phạt.

Nguyễn Tuấn A là người đề xuất việc đánh bạc, Tuấn A sử dụng số tiền 2.500.000 đồng vào việc đánh bạc; bị cáo Nguyễn Đăng C sử dụng 8.200.000 đồng vào việc đánh bạc; cả hai bị cáo này đều tham gia tích cực từ đầu đến khi bị bắt nên xác định Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Đăng C có vai trò, vị trí ngang nhau trong vụ án; Bùi Đăng S là chủ nhà đồng thời trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt, Sơn sử dụng 60.000 đồng vào việc đánh bạc nên Sơn giữ vị trí, vai trò sau Tuấn A và C; Nguyễn Đức T và Bùi Tiến Đ tham gia tích cực từ đầu đến khi bị bắt; Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Đăng Đ vào tham gia đánh bạc sau cùng tuy nhiên Nguyễn Hữu D sử dụng 2.600.000 đồng; Nguyễn Đăng Đ sử dụng 1.000.000 đồng; Nguyễn Hữu C sử dụng 1.100.000 đồng; Bùi Tiến Đ sử dụng 780.000 đồng; Nguyễn Đức T sử dụng 1.200.000 đồng vào việc đánh bạc nên xác định 5 bị cáo này giữ vị trí, vai trò ngang nhau và sau cùng trong vụ án.

{4} Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS thì thấy:
Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự.

Tại cơ quan điều tra cũng nh- tại phiên toà cả 08 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đ- ợc h- ớng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Bùi Đăng S, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đăng Đ, Bùi Tiến Đ đều phạm tội lần đầu thuộc tr- ờng hợp ít nghiêm trọng nên đ- ợc h- ớng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A, Bùi Đăng S, Nguyễn Hữu C có bố đẻ đ- ợc Nhà n- ớc tặng th- ờng huân ch- ơng kháng chiến hạng ba, bị cáo Nguyễn Hữu D có bố đẻ đ- ợc tặng Huy ch- ơng kháng chiến hạng nhất, nhì; bị cáo Nguyễn Đăng Đ có bố đẻ là bệnh binh; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Tuấn A bỏ trốn, sau đó ra đầu thú nên Tuấn A, S, C, D, Đ đ- ợc h- ớng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Xét các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Bùi Đăng S, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đăng Đ, Bùi Tiến Đ có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi c- trú rõ ràng nên không buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng các hình phạt khác cũng đảm bảo việc giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, cụ thể: áp dụng hình phạt tù cho h- ớng án treo đối với Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Đăng C phù hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999; Phạt cải tạo không giam giữ đối với Bùi Đăng S phù hợp quy định tại Điều 31 BLHS năm 1999; Phạt tiền đối với Bùi Tiến Đ, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đăng Đ phù hợp quy định tại Điều 30 BLHS năm 1999.

Riêng bị cáo Nguyễn Hữu C có nhân thân xấu: Ngày 09/02/2015 bị TAND tỉnh Hải Dương xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội Đánh bạc (Bản án số 08/2015/HSST ngày 09/02/2015) nên cần áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo phù hợp quy định tại Điều 33 BLHS năm 1999. Tuy nhiên cũng xét bị cáo tham gia đánh bạc ở giai đoạn sau, sử dụng số tiền không nhiều, bị cáo có

nhiều tình tiết giảm nhẹ nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

{5} Hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hành vi đánh bạc trái phép, sát phạt nhau bằng tiền nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, cụ thể phạt Nguyễn Tuấn A, Bùi Đăng S, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Hữu C mỗi bị cáo 3.000.000 đồng sung quỹ Nhà n-ớc theo quy định tại khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999.

{6} Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cối. Đây là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu huỷ; số tiền 17.440.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà n-ớc; số tiền thu giữ của Nguyễn Đăng Đ là 3.600.000 đồng và của Nguyễn Đức T là 3.000.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại Tiến và Đáp nh- ng bảo thủ để đảm bảo thi hành án phù hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

Chị Nguyễn Thị M và các bị cáo đều xác định chị Nguyễn Thị M không có mặt, không biết các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc tại nơi chị quản lý nên không có căn cứ xử lý đồng thời chị Nguyễn Thị M không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

{7} Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với tất cả các bị cáo; khoản 3 Điều 248 BLHS năm 1999 đối với Tuấn A, C, S, C; điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với Tuấn A, S, C, D, T, Đ, Đ; khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với Tuấn A, S, C, D, Đ. Khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999 đối với Tuấn A, C; Điều 31 BLHS năm 1999 đối với S; Điều 30 BLHS năm 1999 đối với D, T, Đ, Đ; Điều 33 BLHS năm 1999 đối với C.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Bùi Đăng S, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đăng Đ, Bùi Tiến Đ phạm tội “**Đánh bạc**”.

Về hình phạt chính, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A 09 (chín) tháng tù cho h-ởng án treo, thời gian thử thách 18 (m-ời tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Đăng C 09 (chín) tháng tù cho h-ởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Đăng C cho UBND xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải D-ơng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Bùi Đăng S 10 (m-ời) tháng cải tạo không giam giữ, đ-ợc trừ 3 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức đ-ợc giao giám sát, giáo dục ng-ời bị kết án nhận đ-ợc quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 15% thu nhập/tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà n-ớc.

Giao bị cáo Bùi Đăng S cho UBND xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải D-ơng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

- Phạt tiền Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đăng Đ, Bùi Tiến Đ mỗi bị cáo 18.000.000 đồng sung quỹ Nhà n- ớc. Các bị cáo phải nộp tiền phạt một lần.

- Bị cáo Nguyễn Hữu C 04 (bốn) tháng tù, đ- ọc trừ 03 ngày tạm giữ = 03 ngày tù, bị cáo còn phải chấp hành 03 (ba) tháng 27 (hai m- ươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tr- ờng hợp các bị cáo thay đổi nơi c- trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Bùi Đăng S, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Hữu C mỗi bị cáo 3.000.000 đồng sung quỹ Nhà n- ớc.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu cho tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cối; tịch thu sung quỹ Nhà n- ớc số tiền 17.440.000 đồng.

Trả lại: Nguyễn Đăng Đ 3.600.000 đồng và Nguyễn Đức T 3.000.000 đồng nh- ng bảo thủ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/01/2018 giữa Công an huyện Thanh Miện và Chi cục Thi hành án huyện Thanh Miện).

Về án phí: □p dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; Các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Bùi Đăng S, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đăng Đ, Bùi Tiến Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Bùi Đăng S, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Đức T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đăng Đ, Bùi Tiến Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Công an huyện Thanh Miện;
- Sở t- pháp;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Quyên